

MẠNG LƯỚI XÃ HỘI CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP QUẬN BÌNH THẠNH VÀ QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH)

SOCIAL NETWORK OF THE ELDERLY IN HO CHI MINH CITY
(CASE STUDY: BINH THANH DISTRICT AND DISTRICT 12 IN HO CHI MINH CITY)

Nguyễn Thị Thanh Tùng¹

Tóm tắt

Mạng lưới xã hội là một tập hợp liên kết giữa các cá nhân hay các nhóm dân cư nhất định. Thông qua sự tiềm ẩn trong những mối liên hệ cũng như quyền lợi, trách nhiệm chi phối mối liên hệ này, mạng lưới xã hội được sử dụng nhằm đạt được mục đích nào đó. Đối với người cao tuổi, mạng lưới xã hội có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cuộc sống cho họ - cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Dưới tác động của những biến đổi trong xã hội đô thị, mạng lưới xã hội của người cao tuổi có những thay đổi về độ rộng - hẹp, mạnh - yếu. Nghiên cứu về mạng lưới xã hội của người cao tuổi ở đô thị: gia đình, họ hàng, bạn bè, hàng xóm láng giềng, tổ chức đoàn thể nhằm tìm ra những thay đổi; trên cơ sở đó sẽ giúp những nhà hoạch định chính sách, làm công tác trong lĩnh vực người cao tuổi có thể đưa ra những giải pháp hỗ trợ cuộc sống của người cao tuổi được tốt hơn trong tình hình an sinh xã hội vẫn còn nhiều hạn chế như hiện nay.

Từ khóa: người cao tuổi, mạng lưới xã hội, mạng lưới xã hội người cao tuổi ở đô thị.

Abstract

Social network is a set of links between individuals or certain groups of the population. Through the implication in relations and the rights, responsibilities of governing these relations, the social network is used to achieve a specific purpose. For the elderly, the social network has an important role in supporting their material and spiritual lives. With the impact of changes in urban society, the social network of elderly people has changed in all the directions of their relations. To conduct research of the social network of the elderly in urban areas such as their families, relatives, friends, neighbors, organizations and unions is to find out changes which are the basis for policy planning in order to improve life for the elderly while social security is still rather a big problem.

Keywords: elderly people, social network, social network of the elderly in urban areas.

1. Mở đầu

Con người sống thành xã hội, tồn tại và phát triển như một thực thể xã hội. Vì thế, liên hệ xã hội là nền tảng của cuộc sống. Mọi cá nhân đều có liên hệ với người khác (cha mẹ, anh em, họ hàng, xóm giềng, bạn bè,...) bằng cách này hay cách khác, nằm trong một cấu trúc xã hội phức tạp bao quanh mình. Liên hệ xã hội phát triển, thay đổi theo sự phát triển và thay đổi của cá nhân và bối cảnh sống. Có thể nói, mỗi cá nhân, để tồn tại và phát triển, phải tham gia vào các mối quan hệ xã hội, thực hiện những tương tác với các cá nhân khác trong xã hội, trong đó các mối quan hệ mà cá nhân tương tác được xem là mạng lưới xã hội của họ.

Như vậy, mạng lưới xã hội được hiểu là “một tập hợp liên kết giữa các cá nhân hay các nhóm dân cư nhất định. Thông qua sự tiềm ẩn trong những mối liên hệ cũng như quyền lợi, trách nhiệm chi phối mối liên hệ đó, mạng lưới xã hội được sử dụng nhằm đạt được mục đích nào đó” (Đăng Nguyên Anh 1998).

Theo Nguyễn Hoài Dung (2006:15) thì khi tìm hiểu về mạng lưới xã hội, các nhà nghiên cứu thường tập trung vào các đối tượng yếu thế trong xã hội như lao động di cư, phụ nữ nghèo,... và người cao tuổi là một trong số các đối tượng được quan tâm. Tuổi già trong xã hội thường được xem xét ở ba cấp độ với các đặc điểm chung: ở cấp độ cá nhân, tuổi già được đánh dấu bởi việc suy giảm

¹ Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn TP.HCM

độ sắc bén của các giác quan, sự nhanh nhạy của các dây thần kinh vận động và sự suy giảm khả năng nhận thức; ở cấp độ gia đình, tuổi già được đặc trưng bởi sự tương tác liên thế hệ, về các vai trò cũng như sự thay đổi khả năng và trách nhiệm trong gia đình; ở cấp độ mạng lưới xã hội, những đặc trưng là sự tiêu hao liên tục những mối ràng buộc xã hội, sự gia tăng những khó khăn của người cao tuổi trong việc thực hiện những hoạt động xã hội để duy trì những mối liên kết xã hội, sự suy giảm cơ hội phục hồi các quan hệ xã hội và thiết lập các quan hệ mới. Kết quả là người cao tuổi khó duy trì sự chủ động cá nhân trong những hoạt động sống hàng ngày. Trong đó, việc thực hiện nhiệm vụ duy trì mạng lưới xã hội là vô cùng cần thiết để giữ vững những mối quan hệ và mạng lưới này sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với cuộc sống của họ.

Bài viết được trích từ một nghiên cứu về người cao tuổi của chúng tôi dựa trên kết quả khảo sát ở hai địa bàn (nội thành và ngoại thành), cụ thể là quận Bình Thạnh và quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Với phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với chọn mẫu hệ thống, đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng là chính (tổng số mẫu 240) kết hợp với phương pháp nghiên cứu định tính (tổng số mẫu 30) trên các khách thể là người cao tuổi; Ban Đại diện Hội Người cao tuổi của Phường, Thành phố; các cán bộ, nhân viên công tác tại Trung tâm Nuôi dưỡng Người cao tuổi và con cháu người cao tuổi tại hai địa bàn khảo sát.

2. Nội dung

2.1. Các đặc trưng mạng lưới xã hội của người cao tuổi

2.1.1. Gia đình

a. Quy mô và sự phân bố không gian

Gia đình là thành tố đầu tiên cấu thành mạng lưới xã hội của người cao tuổi. Đây cũng là thành tố quan trọng trong việc hỗ trợ cuộc sống của họ.

Kết quả khảo sát cho thấy, số thành viên trung bình trong một gia đình của người cao tuổi là 4,78 người. Trong đó, gia đình có từ 1 - 3 người chiếm 34,6%, từ 4 - 6 người chiếm 48,8%, từ 7 - 9 chiếm 13,7% và trên 10 người chỉ chiếm 2,9%. Như vậy,

nhìn chung đại đa số người cao tuổi ở đô thị đang sống trong những gia đình một, hai hoặc ba thế hệ (ông bà, cha mẹ và cháu).

Khía cạnh thứ hai khi tìm hiểu về quy mô gia đình là sự sắp xếp đời sống gia đình ở người cao tuổi. Theo Bùi Thế Cường (2005:59): sắp xếp đời sống gia đình chịu sự chi phối của khuôn mẫu văn hóa và khuôn mẫu xã hội trong một xã hội nhất định. Trong khi đó, khuôn mẫu văn hóa và khuôn mẫu xã hội lại liên quan đến một hệ tri thức, giá trị, chuẩn mực và cấu trúc xã hội.

Nghiên cứu về tuổi già ở khu vực Đông Nam Á năm 2007 đã chỉ ra rằng, đối với người cao tuổi, sắp xếp đời sống gia đình có tầm quan trọng đặc biệt. Trong đó, sắp xếp đời sống gia đình theo kiểu truyền thống là một trong những biện pháp an sinh mạnh nhất và an toàn nhất cho người cao tuổi (United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, United Nations Population Fund, United Nations Department of Economic and Social Affairs 2007, tr. 56). Khảo sát về sắp xếp đời sống gia đình ở người cao tuổi cho thấy gần một nửa người cao tuổi đang sống với vợ/chồng và con cái, tiếp đến là sống trong một đại gia đình, bao gồm: vợ/chồng, con cái và cháu (22,5%); chỉ sống với con (trong trường hợp góa bụa hoặc ly hôn/ly thân) (2,5%). Như vậy, *kiểu sắp xếp phổ biến hiện nay vẫn là sống chung với người bạn đời và con cháu. Trong đó, sống trong gia đình hạt nhân (gồm bố mẹ và con cái) chiếm đa số.*

Cũng giống như ở Đồng bằng Sông Hồng, khuynh hướng thiên về đàng nội vẫn phổ biến. Gần 2/3 các cụ trong mẫu nghiên cứu hiện đang sống với con trai. Các cụ cho rằng, chỉ trong trường hợp hy hữu như con trai không có thì mới phải ở với con gái mặc dù họ đều thừa nhận con gái là người chăm sóc, yêu thương bố mẹ nhất: *“Bác thì phải ở với con trai rồi chứ không ở với con gái được... Thí dụ như bác bây giờ là họ Nguyễn. Sinh đưa con gái, nó có chồng, chồng nó họ Bùi. Ba đời sau, bốn đời sau cái dòng họ Nguyễn này không còn biết nữa, mà người ta biết họ Bùi thôi”* (Nam, 78 tuổi). Tuy nhiên, tại thời điểm khảo sát, kết quả

phân tích cũng chỉ ra rằng không ít người cao tuổi hiện đang sống với con gái. Theo các cụ, con gái là người gần gũi để bố mẹ chia sẻ, tâm tình, là người “*thương bố mẹ*”, sẵn sàng “*quan tâm, chăm sóc bố mẹ*” (Nam, 68 tuổi) lúc ốm đau, có gì ngon cũng mang cho bố mẹ.

Sống riêng cũng là hình thức sắp xếp gia đình hiện đang tồn tại. Hiện nay, có tới 10% các cụ đang sống riêng cùng với vợ/chồng, 33% các cụ sống một mình và 16,3% các cụ sống dưới hình thức khác (sống nhờ bà con, làng xóm, trong các cơ sở tôn giáo). Có nhiều lý do dẫn tới thực tế kiểu sắp xếp này như những mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, người cao tuổi thích tự do hay bị con cái ruồng bỏ “*Tích góp phòng cơ, dưỡng nhi để lão - nghĩa là nuôi con lớn để rồi con lại nuôi mình. Nhưng mà nuôi con lớn là nghĩa vụ của cha mẹ còn nuôi lại mình không phải là nghĩa vụ của con. Có trường hợp cha mẹ có nhà đất nhưng mà con vẫn bỏ cha, bỏ mẹ ra chuồng bò ngủ...*” (Nam, Chủ tịch Hội Người cao tuổi quận Bình Thạnh).

b. Mối quan hệ trong gia đình

Đối với người cao tuổi, quan hệ trong gia đình là mối quan hệ đầu tiên và gần gũi nhất. Tìm hiểu về thời gian sống chung với con của người cao tuổi, khảo sát cho thấy, tỷ lệ người cao tuổi sống cùng con trên 10 năm chiếm số lượng nhiều nhất (54,3%), sau đó là từ 3 - 6 năm (23,7%), dưới 1 năm chiếm số lượng rất ít (3,5%). Sự di chuyển chỗ ở từ người con này sang người con kia, hoặc từ sống một mình nhưng do sức khỏe yếu phải theo con là nguyên nhân giải thích vấn đề. Không ít các cụ gặp một số trường hợp đau lòng: “*Bình thường mà còn khỏe, ăn nhiều, nó đuổi cổ đi. Đến khi làm có tiền nó lại bảo tui là trai trưởng đó, tui có quyền tui nuôi. Rồi cái lúc bệnh đau nó không nuôi đâu. Chết á, chuẩn bị lấy tiền cúng viếng thì nó rước về nhà để nó là con trai, nó đứng ra nó để tang*” (Nam, 78 tuổi).

Giao tiếp là nhu cầu cần thiết của con người nhằm xác lập mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng xã hội. Đối với người cao tuổi, nhu cầu giao tiếp càng cao hơn bao giờ hết. Nghi

hưu đồng nghĩa với cắt đứt nhiều mối quan hệ: công việc, đồng nghiệp, bạn bè; có thời gian rỗi nhiều hơn vì vậy cũng có nhu cầu được tâm tình, chia sẻ nhiều hơn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy con cái đi thăm bố mẹ hằng ngày cao hơn bố mẹ tới thăm con cái (41,3% so với 39,6%). Tương tự, tỷ lệ cũng cao hơn với con đi thăm bố mẹ 1 - 2 lần/tuần (20% so với 13,3%). Các cụ cho biết: thứ nhất, do con cái sống gần nhà nên có chuyện gì cũng chạy qua chạy lại; thứ hai, cho dù con có sống ở xa nhưng cháu thì vẫn gửi ở nhà ông bà để đón đưa đi học; thứ ba, đường xá ở thành phố xe cộ nguy hiểm nên dù ông bà có muốn tới thăm cũng không được, chỉ cuối tuần hoặc cuối tháng thì con cái ghé về họp mặt gia đình.

Có sự khác nhau tương đối khi chạy bảng so sánh với biến địa bàn. Nhìn chung, ở ngoại thành, tỷ lệ con cháu tới thăm ông bà cũng như ông bà tới thăm con cháu cao hơn. Số liệu cho thấy mật độ con cháu rất ít/hầu như không tới thăm ông bà lên tới 44,2% ở các phường nội thành so với 14,2% ở các phường ngoại thành. Nguyên nhân phụ thuộc vào nghề nghiệp của con cũng như khoảng cách gần xa: “*Con cái để ra giờ sống, làm nông ở đây luôn. Giờ nói chung, hai thằng con trai lớn thì ở bên, sát vách luôn, thằng con trai út thì ở chung*” (Nam, 70 tuổi); trong khi các phường nội thành “*Anh trai không sống gần đây. Em nó sống xa. Nó ở Bình Chánh cơ*” (Nữ, 65 tuổi).

Sự nhìn nhận của người khác - đặc biệt là người thân - đối với người cao tuổi là vấn đề quan trọng. Một trong những nỗi lo sợ của họ khi đến tuổi nghỉ hưu là mất đi vai trò, địa vị trong gia đình, sống phụ thuộc và là gánh nặng cho con cái. Vì vậy, tiếng nói trong gia đình, quyết định các công việc quan trọng trong gia đình là tiêu chí mà các cụ đánh giá sự tồn tại của địa vị, vai trò, quyền lực, vẫn cảm thấy mình có ích khi đã già.

Để xác định ai là người quyết định chính các công việc trong gia đình, qua đó, đánh giá vai trò của người cao tuổi, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ở một số lĩnh vực, kết quả thu được: đối với *những*

công việc thuộc về kinh tế, chi tiêu tiền bạc lớn, hầu như con cái giữ vai trò là người quyết định chính. Các kết quả xử lý cho thấy, cách làm ăn kinh tế trong gia đình, con cái quyết định (40,8%); mua bán các đồ dùng đắt tiền (41,6%); xây nhà, sửa nhà (36,4%). Điều này được các cụ giải thích: “Mọi thứ trong nhà, chi tiêu tụi nó lo hết. Nó lớn, có công việc, tiền bạc nó chịu. Minh già rồi đi làm ở phường cho vui vậy thôi” (Nam, 70 tuổi).

Ngược lại, người cao tuổi có cần sự “đóng góp” ý kiến của con cái khi quyết định các công việc quan trọng? Số liệu chỉ ra rằng, hầu hết các cụ đều hỏi qua ý của các con khi quyết định công việc (82,9%). Bởi, các cụ cho rằng: *“Có cái người già cũng phải nghe người nhỏ. Chưa chắc gì chú lớn tuổi rồi cái gì cũng đúng... Nó đúng mình phải theo” (Nam, 78 tuổi).*

Qua những phân tích trên cho thấy, hiện người cao tuổi và các thành viên trong gia đình có mối quan hệ rất gần gũi. Phần lớn người cao tuổi và con cháu đã sống với nhau trong khoảng thời gian dài, giao tiếp với nhau khá thường xuyên, biểu hiện sự tin cậy cao, tôn trọng lẫn nhau giữa các thành viên. Có thể nhận định, mối quan hệ trong gia đình người cao tuổi là quan hệ mạnh.

2.1.2. Họ hàng

a. Quy mô và sự phân bố không gian

Người Việt có câu “một giọt máu đào hơn ao nước lã”. Vì thế, ngoài mối quan hệ tình cảm trong gia đình, mối quan hệ với anh chị em ruột, họ hàng cũng được các cụ rất xem trọng và không ngừng được củng cố, thắt chặt. Tác giả Nguyễn Phương Lan (2000:125) cho rằng: *“Giao tiếp trong quan hệ họ hàng là giao tiếp tình cảm, nó mang không khí sinh hoạt gia đình mở rộng, ở đó có trật tự trên ra trên, dưới ra dưới, người cao tuổi được tôn trọng do gần gũi với đời sống tình cảm người cao tuổi. Giao tiếp huyết thống, vì vậy cũng góp phần quan trọng trong việc cân bằng tâm lý đối với người cao tuổi”*. Đây cũng là mạng lưới xã hội quan trọng thứ hai ở người cao tuổi.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, phần lớn (50,8%) người cao tuổi đều có ít nhất một anh/chị

em ruột còn sống và có họ hàng xa. Nghiên cứu về sự phân bố không gian sống cho thấy hơn phân nửa các cụ có họ hàng sống ở các quận khác nhau trong thành phố và các tỉnh/thành trong cả nước. Trong đó, người cao tuổi có họ hàng sống cùng nhà hoặc khác thành phố chủ yếu thuộc về các phường nội thành. Tuy nhiên, khoảng cách cũng ảnh hưởng tới sự qua lại thăm hỏi giữa người cao tuổi và họ hàng.

b. Mối quan hệ trong họ hàng

Với câu hỏi “Họ hàng có hay tới thăm ông/bà không?”, kết quả được sắp xếp theo chiều hướng giảm dần với câu trả lời là *Rất ít/Hầu như không* chiếm 49,5%, tiếp đến là *1 - 2 lần/tháng* (38,4%), mức độ *1 - 2 lần/tuần* chiếm tỷ lệ rất nhỏ (7,4%) và cuối cùng *Gần như hằng ngày* (4,7%). Mức độ người cao tuổi tới thăm họ hàng cũng tương tự với 44,2% các cụ *Rất ít/Hầu như không*, 48,4% là *1 - 2 lần/tháng*, 4,7% *1 - 2 lần/tuần* và thấp nhất 2,2% *Gần như hằng ngày*.

Mức độ “thưa thớt” trong việc đi thăm hỏi giữa người cao tuổi và họ hàng bị chi phối bởi nhiều yếu tố, trong đó liên quan đến số anh chị em, họ hàng còn sống, sức khỏe, khoảng cách, mối quan hệ gần gũi họ hàng: *“Có ông anh mất, còn cô em ở dưới Rạch Giá lận” (Nữ, 75 tuổi).*

Mức độ thăm hỏi qua lại giữa người cao tuổi và họ hàng có ảnh hưởng nhất định tới hỏi ý kiến các công việc quan trọng. “Rất ít/Hầu như không” người cao tuổi hỏi họ hàng cũng như họ hàng hỏi người cao tuổi chiếm tỷ lệ khá cao (62,4% và 64%). Tuy nhiên, tùy từng việc và thông thường là những việc liên quan tới dòng họ, xây mồ mả, hiếu hỷ,...

Có thể nói, họ hàng là mối quan hệ quan trọng bên ngoài gia đình của người cao tuổi. Đặc biệt ở các vùng nông thôn, mối quan hệ thân tộc càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Nhưng ở đô thị, do nhiều nguyên nhân khác nhau: sức khỏe yếu lúc về già, khoảng cách đi lại xa, điều kiện kinh tế không cho phép đã làm cho mối quan hệ này ngày càng xa ra. Khảo sát cho thấy tỷ lệ người cao tuổi đi thăm họ hàng và ngược lại rất ít. Giao tiếp và hỏi ý kiến lẫn nhau không thường xuyên. Điều đó cho

thấy mối quan hệ giữa họ hàng và người cao tuổi không phải là mối quan hệ mạnh.

2.1.3. Bạn bè

a. Quy mô và sự phân bố không gian

Ngoài phạm vi các mối quan hệ bên trong gia đình và dòng họ, người cao tuổi cũng có nhu cầu được giao du, kết bạn, mở rộng các mối giao tiếp bên ngoài xã hội. Bạn bè ở đây được hiểu là những người được thiết lập quan hệ thông qua các hoạt động kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội. Đây là thành tố quan trọng thứ ba trong mạng lưới xã hội của người cao tuổi.

Nhìn chung, mối quan hệ bạn bè của người cao tuổi khá đa dạng, từ đồng nghiệp (26,5%) đến đồng hương (17%), bạn đồng ngữ (8,9%) cũng như các mối quan hệ bạn bè khác (chung câu lạc bộ, chung tín ngưỡng,...) (17,7%).

Qua sự phân bố không gian sống cho thấy, bạn bè ở cùng khu vực/phường chiếm tỷ lệ cao nhất (22,5%), tỷ lệ cùng thành phố nhưng khác quận đứng vị trí thứ hai (17,5%). Đặc biệt có 13,1% các cụ có bạn ngay bên cạnh nhà. Đây là điều kiện thuận lợi để tăng cường mối quan hệ thân tình giữa người cao tuổi và bạn bè.

Do địa bàn còn mang đậm tính nông nghiệp nên sự phân bố không gian bạn bè của người cao tuổi ở các phường ngoại thành khá gần gũi. Tỷ lệ có bạn bè sống ngay bên cạnh nhà chiếm tỷ lệ 18,6%, trong khi con số này ở các phường nội thành là 6,8%.

b. Mối quan hệ với bạn bè

Để tìm hiểu về mối quan hệ bạn bè, khi được hỏi “Ông/bà có thích kết bạn không?”, phần lớn người được hỏi chọn câu trả lời “Có” (65,4%). Các hình thức kết bạn của người cao tuổi chủ yếu thông qua các cuộc họp tổ, khu phố và phường (27,4%); sinh hoạt trong các câu lạc bộ (27%); tham gia các hoạt động xã hội (19,7%); hoạt động tín ngưỡng (12,4%).

Giao tiếp là yếu tố không thể thiếu nhằm củng cố tình thân giữa bạn bè với nhau. Để đo mức độ giao tiếp bạn bè của người cao tuổi, chúng tôi dựa trên hai tiêu chí: mức độ thăm hỏi của người cao tuổi với đồng nghiệp, bạn bè và mức độ thăm hỏi

của đồng nghiệp, bạn bè với người cao tuổi.

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số người cao tuổi đều cho rằng bạn bè, đồng nghiệp *Rất ít/Hầu như không* tới thăm (47,9%). Nếu có tới thăm thì cũng thỉnh thoảng, *1 - 2 lần/tháng* (27,1%). Tỷ lệ tới thăm gần như hằng ngày hoặc *1 - 2 lần/tuần* thấp (10% và 15%). Tỷ lệ tới thăm *Gần như hằng ngày* thấp là do khoảng cách, sức khỏe cũng như mức độ gặp nhau thường xuyên tại các câu lạc bộ. Mức độ người cao tuổi tới thăm đồng nghiệp, bạn bè cũng tương tự.

Các cụ ở các phường ngoại thành có bạn bè tới thăm nhiều hơn là ở các phường nội thành. Tỷ lệ người cao tuổi tới thăm bạn bè cũng cao hơn và mang tính thường xuyên hơn với mức *1 - 2 lần/tuần* là 30% so với 1,7% ở phường nội thành. Nguyên nhân phụ thuộc vào sự phân bố không gian sống.

Tim hiểu việc hỏi ý kiến những việc quan trọng đối với bạn bè, kết quả cho thấy hầu hết người cao tuổi *Rất ít khi/Hầu như không* hỏi ý kiến bạn bè (79,6%). Ngược lại, bạn bè cũng *Rất ít khi/Hầu như không* hỏi ý kiến người cao tuổi (79,2%). Các cụ lý giải bạn bè chỉ là để tâm sự chia sẻ này kia, còn những công việc hệ trọng trong gia đình thì gia đình mình tự giải quyết, không nên nói cho người ngoài. Bên cạnh đó, tâm lý “sợ” người ta biết chuyện nhà mình rồi cười chê cũng là nguyên nhân làm cho tỷ lệ hỏi ý kiến những công việc quan trọng qua lại giữa người cao tuổi và bạn bè thấp: “Ở một cái tuổi tự nhiên thấy thân thiết là thân thiết, bạn thân không gặp nhau, vắng nhau là nhớ nhưng ngại đánh cờ với nhau, thua một ván cờ về buổi không ăn được. Cái đó là đặc điểm của người cao tuổi... Thành ra những chuyện trong gia đình mà có vấn đề người ta đâu có nói cho nhau nghe” (Nữ, 70 tuổi).

Người cao tuổi ở đô thị vẫn đang duy trì những mối quan hệ với bạn bè. Phần lớn những quan hệ bạn bè đã được thiết lập từ trước khi người cao tuổi còn làm việc chính thức. Một số ít mở rộng mối quan hệ này sau khi nghỉ hưu thông qua các sinh hoạt tín ngưỡng hoặc xã hội. Mức độ giao tiếp

không cao, có sự phân hóa theo địa bàn khảo sát và mức sống. Tỷ lệ hỏi ý kiến lẫn nhau không thường xuyên - nếu có chủ yếu rơi vào nhóm các cụ trước đây làm các công việc thuộc nhóm chính thức và có mức sống từ trung bình trở lên. Như vậy, có thể nói mối quan hệ giữa người cao tuổi và bạn bè trong mẫu khảo sát là mối quan hệ yếu.

2.1.4. Hàng xóm, láng giềng

a. Quy mô và sự phân bố không gian

Hàng xóm láng giềng cũng là mối quan hệ quan trọng đối với người cao tuổi. Người Việt Nam có câu “Bà con xa không bằng xóm giềng gần”, bởi vì láng giềng là những người “tất lửa tối đèn có nhau”. Đây là thành tố thứ tư trong mạng lưới xã hội của người cao tuổi.

Tìm hiểu về mức độ quen biết hàng xóm của người cao tuổi, người viết nhận thấy có sự mở rộng mức độ quen biết hàng xóm theo phạm vi phân bố không gian sống của họ. Theo đó, các cụ từ chỗ biết những người sống cạnh nhà (43,8%) đến biết những người sống trong xóm/tổ (34,9%), rồi biết cả những người sống trong cùng khu phố (7,6%). Như vậy, có thể thấy mức độ quen biết hàng xóm của người cao tuổi ở đô thị trong địa bàn khảo sát là khá cao.

Các cụ ở ngoại thành nhìn chung “biết” hàng xóm cao hơn so với phường nội thành. Số liệu thu được cho thấy, số lượng các cụ chọn câu trả lời “Hầu như không biết ai cả” chỉ rơi vào địa bàn phường nội thành (27,4%). Tỷ lệ các cụ biết “những người sống ngay cạnh nhà mình” ở ngoại thành là 51,3%, cao hơn phường nội thành (36,3%). Điều này được lý giải ở phường ngoại thành, người dân chủ yếu làm nông nghiệp, sống ở đây qua nhiều thế hệ. Vì vậy, mối quan hệ hàng xóm vẫn còn mang dáng dấp nông thôn, hai nhà chỉ cách bởi cái bờ rào: “Ở đây hàng xóm biết nhau hết chớ. Thí dụ như đám ma, nghe đánh trống hoặc treo cờ thế là hỏi nhau ai chết? Nếu mà chưa biết thì hỏi ai? Còn nếu biết thì điện cho người ta đến... Cái nhà thành phố, sống bên sát vách con chưa biết họ làm gì. Cho nên sống ở nông thôn mình vẫn hay hơn. Thương yêu nhau, đùm bọc nhau.” (Nam, Đại diện

Hội Người cao tuổi Quận 12)

b. Mối quan hệ với hàng xóm, láng giềng

Phần lớn người cao tuổi và hàng xóm vẫn còn giữ hình thức qua lại thăm hỏi nhau với mức độ 1 - 2 lần/tuần chiếm tỷ lệ cao nhất. Tuy nhiên, khi xét trên địa bàn khảo sát, số lượng các cụ ở các phường ngoại thành thăm hỏi hàng xóm nhiều hơn các cụ ở phường nội thành (“Rất ít/Hầu như không” ở phường nội thành là 45%, gấp hơn hai lần so với ngoại thành với 19,2%). Tương tự, tỷ lệ các cụ được hàng xóm thăm hỏi ở phường nội thành ít hơn ngoại thành (“Rất ít/Hầu như không” ở phường nội thành là 45%, gấp gần ba lần so với ngoại thành với 17,5%).

Với việc hỏi ý kiến những công việc quan trọng, kết quả khảo sát cho thấy, đa số người cao tuổi ít khi hỏi ý kiến hàng xóm những công việc quan trọng và ngược lại (77,9% và 76,7%).

Xã hội càng văn minh, hiện đại, lối sống đô thị càng phát triển, sự tiếp xúc láng giềng càng bị mai một dần. Những nghiên cứu về đô thị đã chỉ ra rằng, đô thị là nơi có tính “nặng danh” cao hơn so với ở nông thôn. Do đó, người dân ở đô thị ít quen biết với những người hàng xóm, thậm chí có người còn không biết người hàng xóm bên cạnh nhà mình là ai. Điều này dường như đúng với các phường nội thành qua khảo sát và phân tích. Riêng tại các phường ngoại thành, người cao tuổi vẫn còn giữ nhiều mối quan hệ truyền thống, không sống khép mình với những người xung quanh, đề cao tình làng nghĩa xóm cũng như nhu cầu giao lưu hàng xóm. Đây cũng là mối quan hệ yếu trong mạng lưới xã hội của người cao tuổi.

2.1.5. Tổ chức xã hội (Đoàn thể, Hội, Câu lạc bộ)

a. Quy mô và sự phân bố không gian

Hoạt động cộng đồng, xã hội ở người cao tuổi là sự tham gia sinh hoạt các tổ chức đoàn thể, hội, câu lạc bộ chính thức và phi chính thức. Nếu như ở nông thôn, mạng lưới xã hội (gia đình, thân tộc, hàng xóm) dày đặc thì ở thành thị, sự xuất hiện của các tổ chức này thật sự rất cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người lúc về già.

Cho đến thời điểm khảo sát, tại địa bàn đang có các Hội, Câu lạc bộ phi chính thức như các tổ thơ ca văn nghệ trong từng tổ dân phố hoạt động thường xuyên mỗi tháng một lần. Phong trào chơi cờ tướng, cờ vua, các câu lạc bộ sinh vật cảnh, câu lạc bộ những người làm nghề nuôi bò sữa do Hội cùng người dân lập ra để đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi.

Khảo sát về mức độ tham gia các đoàn thể, hội, câu lạc bộ, kết quả cho thấy hầu như người cao tuổi đều tham gia tích cực vào các sinh hoạt do những tổ chức này phát động.

b. Mối quan hệ với Đoàn thể, Hội, Câu lạc bộ

Tìm hiểu thời gian tham gia các đoàn thể, hội, câu lạc bộ của người cao tuổi cho thấy, thời gian sinh hoạt trên 10 năm chiếm tỷ lệ cao nhất (33,3%), tiếp đến là 3 - 6 năm (32,6%), 7 - 10 năm (13,5%), 2 năm (12,1%) và nhỏ nhất là 1 năm (8,5%). Các cụ ở các phường nội thành có thời gian tham gia lâu hơn các cụ ở các phường ngoại thành.

Ngoài việc có tham gia vào các tổ chức đoàn, hội, câu lạc bộ, mức độ tham gia thường xuyên cũng là yếu tố để đánh giá sự thu hút của tổ chức đó đối với người cao tuổi. Khảo sát tại hai phường cho thấy đa số các cụ tham gia 1 - 2 lần/tháng hoặc nhiều hơn (59,2%).

Có thể nói, các Hội, Đoàn, Câu lạc bộ là những tổ chức cần thiết hỗ trợ cho người cao tuổi sinh hoạt, bù đắp thêm sự phong phú cho đời sống tinh thần. Nếu như ở nông thôn, các mối quan hệ họ hàng, láng giềng là những mối quan hệ mạnh, các tổ chức này không thể phát triển cũng như không thu hút được người cao tuổi thì ở đô thị nó lại trở nên vô cùng quan trọng. Nhìn chung, nghiên cứu cho thấy mức độ người cao tuổi tham gia sinh hoạt trong các đoàn thể quần chúng chính thức lẫn không chính thức là khá thường xuyên. Đặc biệt, ở các cụ bà, sinh hoạt tín ngưỡng rất được nhấn mạnh.

2.2. Sự trợ giúp của mạng lưới xã hội đối với người cao tuổi

2.2.1. Chăm sóc sức khỏe

Tìm hiểu về sức khỏe của các cụ, người viết nhận

thấy có tới 20,4% đánh giá là yếu, 17,9% là tạm ổn. Sức khỏe của người cao tuổi liên quan đến rất nhiều yếu tố khác nhau như điều kiện lao động, nơi ở và chế độ dinh dưỡng, đời sống văn hoá tinh thần, tình trạng bệnh tật và khả năng chữa trị,... Những yếu tố này lại phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế - chính trị chung của một xã hội, cũng như vào tình trạng gia đình, nghề nghiệp của mỗi cá nhân.

Khảo sát về mức độ quan tâm, chăm sóc khi người cao tuổi ốm đau, tác giả ghi nhận, chiếm tỷ lệ lớn nhất vẫn là người bạn đời (41,3%), tiếp đến là chính bản thân người cao tuổi tự lo (37,9%). Sự quan tâm của con cái được xếp sau và cũng chủ yếu là những người con sống cùng nhà (đã kết hôn và chưa kết hôn), trong đó người con trai đóng vai trò quan trọng. Ở đây cũng nổi bật lên vai trò của người con gái (bao gồm đã kết hôn và chưa kết hôn).

Người cao tuổi được con cái chăm sóc khi bị bệnh tăng dần theo độ tuổi do cha mẹ về già nhiều bệnh tật nên cần sự quan tâm, chăm sóc sức khỏe từ phía con cái nhiều hơn. Một vấn đề lớn đặt ra là các nhóm tuổi càng cao thì tỷ lệ các cụ góa chồng/vợ cũng tăng nhanh. Chính vì thế, các cụ góa phải dựa vào con cháu nhiều hơn những người cao tuổi khác. Đó cũng là một nguyên nhân dẫn đến người cao tuổi phụ thuộc nhiều hơn vào con cái khi đau ốm.

Có thể thấy, kiểu gia đình ở đô thị, các thế hệ sống chung trong một gia đình với mối quan hệ khăng khít, là điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc sức khỏe các thành viên trong gia đình, đặc biệt là người cao tuổi. Môi trường gia đình có ảnh hưởng quyết định và gần gũi nhất đối với sự suy giảm hay ổn định sức khỏe của họ. Người cao tuổi nhận được sự chăm sóc trực tiếp, gần gũi và cũng đầy đủ nhất ngay trong chính gia đình của mình. Các quan hệ trong gia đình như quan hệ giữa cụ ông và cụ bà, giữa các cụ và con cháu có ảnh hưởng rất lớn đến tình cảm, tâm trạng, nguồn trợ giúp về tài chính lúc các cụ khỏe mạnh cũng như ốm đau. Tuy nhiên, tốc độ phát triển kinh tế hiện nay ở các đô thị đã làm cho con cái ít có thời gian chăm sóc cha mẹ hơn. Người cao tuổi chủ yếu được con cái chăm sóc sức khỏe khi đau yếu.

Sự hỗ trợ đối với người cao tuổi khi bị bệnh không chỉ thu hẹp trong phạm vi các thành viên trong gia đình mà còn có từ mạng lưới thân tộc, họ hàng, mặc dù không nhiều do khoảng cách địa lý, mối quan hệ gần xa (3,8%), “do đường xá xa xôi, già cả đi lại khó khăn nên chẳng mấy khi về thăm. Chỉ khi nào có tang ma thì về cúng viếng” (Nữ, 80 tuổi). Bên cạnh đó, sự giúp đỡ của hàng xóm láng giềng khá khiêm tốn (2,1%) và rơi vào mẫu ở ngoại thành. Đoàn thể, Hội, Câu lạc bộ không được kể đến như một nguồn trợ giúp người cao tuổi trong việc chăm sóc khi bị bệnh (0,8%), nhưng trên thực tế nó cũng có vai trò đảm bảo sức khỏe cho họ.

Có thể thấy, người cao tuổi ở đô thị này vẫn dựa vào các quan hệ mạnh như gia đình là chính khi đau ốm. Nhưng bên cạnh đó, những mối quan hệ yếu như họ hàng, bạn bè, hàng xóm, đoàn thể tuy không có vai trò trực tiếp chăm sóc sức khỏe người cao tuổi nhưng ở khía cạnh chăm sóc về mặt tinh thần là rất quan trọng. Những người cao tuổi lúc khỏe mạnh cũng đã luôn ở trong tâm trạng lo sợ sự cô đơn, khi bị bệnh mối quan ngại ấy càng tăng thêm dẫn đến sự suy giảm về tinh thần. Vì vậy, việc có thêm anh/chị em, những người bạn bên cạnh, có tổ chức đoàn thể đến thăm hỏi, động viên là liều thuốc quý giúp họ chiến thắng bệnh tật.

2.2.2. Hỗ trợ vật chất trong sinh hoạt hằng ngày

Với câu hỏi “Ai là người giúp đỡ ông/bà tiền, vật dụng?”, kết quả trả lời cho biết sự giúp đỡ từ mạng lưới xã hội bên ngoài là không nhiều. Người cao tuổi đa phần độc lập về kinh tế (48,3%). Ngoài ra, một số lượng không nhỏ người cao tuổi vẫn còn lao động kiếm sống, tự chủ trong kinh tế, không cần sự trợ giúp của con cháu. Một người cao tuổi tâm sự: “Năm nay bác cũng 72 tuổi rồi. Đi làm về xong, quãng cái này là ra phụ bác gái liền. Bây giờ mình bán cái đó kể như là đủ sống, không phải nhờ vả con cái. Ông bà cũng thỉnh thoảng cho thêm cháu” (Nam, 72 tuổi).

Người cao tuổi cũng nhận được sự hỗ trợ của con cái và chủ yếu là con sống cùng nhà. Con trai kết hôn sống cùng nhà hỗ trợ chiếm 27,1%. Bên

cạnh đó, chúng ta cũng phải kể tới sự hỗ trợ của con gái với tỷ lệ 25,5%. Các cụ thừa nhận con gái thường chăm sóc cho bố mẹ nhiều hơn: “Phần đông con gái chăm lo tốt hơn. Chất chiu này kia đem về nuôi cha nuôi mẹ. Chứ con trai nhiều khi nhìn vậy chứ không phải vậy... Nhiều khi nó quên luôn ấy chứ” (Nữ, 68 tuổi).

Sự giúp đỡ của bà con họ hàng là không lớn. Các cụ lý giải, một phần do anh chị em ở xa, phần khác cũng không giàu có gì để có thể dư dả giúp đỡ: “Mấy anh chị em cũng đủ ăn đủ xài chứ không khá” (Nữ, 75 tuổi). Đoàn thể, Hội, Câu lạc bộ chủ yếu dành cho những gia đình khó khăn và mang tính chính sách như thăm đau ốm, tang ma. Không xuất hiện sự giúp đỡ từ hàng xóm, láng giềng. Đây có lẽ cũng là đặc trưng của mối quan hệ nơi đô thị.

Phân tổ theo địa bàn khảo sát, chúng tôi nhận thấy vẫn có những điểm tương đồng ở các phường nội thành. Chẳng hạn như chính bản thân người cao tuổi hoặc vợ/chồng của họ tự đáp ứng nhu cầu kinh tế cho mình; con trai đã kết hôn sống cùng nhà hỗ trợ tiền, vật dụng lớn cho bố mẹ thấp, thậm chí thấp hơn so với con gái đã kết hôn không sống chung nhà (tỉ lệ là 10,8% so với 18,3%). Trong khi đó, ở các phường ngoại thành, con trai đã kết hôn sống chung nhà lại là người đóng vai trò rất lớn, giúp đỡ bố mẹ nhiều hơn so với con gái đã kết hôn không sống cùng nhà (tỉ lệ là 43,4% và 9,2%).

Như vậy, hầu hết người cao tuổi độc lập về kinh tế dựa trên nguồn lương hưu, thu nhập bằng các công việc làm thêm. Sự hỗ trợ, giúp đỡ của con cái không nhiều và cũng không mang tính thường xuyên. Vai trò của họ hàng, láng giềng và đoàn thể không rõ nét. Tuy nhiên, người cao tuổi đã có sự hỗ trợ của hàng xóm trong việc giúp đỡ qua lại (mượn tiền nhỏ, đồ dùng sinh hoạt và chủ yếu ở các phường ngoại thành).

2.2.3. Thăm hỏi, trò chuyện, chăm sóc tinh thần

Xã hội phát triển kéo theo nhiều thay đổi trong đời sống, kể cả trong mối quan hệ gia đình. Và cụm từ “khoảng cách thế hệ” cũng xuất phát từ đó. Nhiều nhà tâm lý trong nước nhận xét rằng, cách biệt giữa ông bà, cha mẹ và con cháu trong xã hội

Việt Nam ngày càng rộng hơn, thể hiện qua nhiều khía cạnh: từ tri thức, ý thức, quan niệm sống, tâm lý, đến cách cư xử. Ngày nay, chính khoảng cách này đã gây ra không ít xung đột trong gia đình, tạo nên sự hiểu lầm giữa người lớn tuổi và giới trẻ, ngày càng “đẩy” hai thế hệ xa dần nhau.

Kết quả khảo sát tại hai phường cho thấy, phần lớn người cao tuổi có mối quan hệ khá khăng khít với con cháu thể hiện qua mức độ chia sẻ, tâm sự rất thường xuyên (20,8%) và thường xuyên (45%) “*có chuyện vui, buồn thì tâm sự với con*” (Nữ, 80 tuổi). Tuy nhiên, vẫn còn tới 20,8% các cụ cho biết ông bà và con cháu hầu như không bao giờ nói chuyện hay tâm tình gì với nhau. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên: khoảng cách già - trẻ, tính cách, tính chất công việc và thời gian rỗi.

Xét trên địa bàn khảo sát, người viết nhận thấy tỷ lệ con cháu quan tâm, chia sẻ với ông bà ở phường ngoại thành cao hơn nội thành. Mức độ hầu như không bao giờ nói chuyện, tâm tình ở các phường nội thành (29,2%) cao hơn gấp đôi so với các phường ở ngoại thành (12,5%). Lý do xuất phát từ nhiều phía nhưng chủ yếu phụ thuộc vào khoảng cách nhà ở, công việc cũng như quan điểm sống giữa hai thế hệ. Ở các quận nội thành, con cái lập gia đình, muốn tìm một ngôi nhà ở gần bố mẹ không phải là dễ. Bên cạnh đó, tính chất công việc giữa một thành phố năng động, mang hơi hướng công nghiệp luôn luôn chịu nhiều áp lực và gò bó về thời gian. Ngoài ra, nội thành là nơi dễ dàng tiếp nhận nhiều nguồn văn hóa mới, vì vậy quan điểm sống giữa giới trẻ và thế hệ ông bà, bố mẹ đã có một khoảng cách rất lớn. Trong khi đó, ở các quận ngoại thành, nơi nông nghiệp vẫn còn là nghề chính, chưa đô thị hóa nhiều, mối quan hệ giữa ông bà, cha mẹ với con cái vẫn còn mang tính chất truyền thống.

Đo mức độ hài lòng đối với sự quan tâm của con cái, khảo sát thu nhận đa số người cao tuổi hiện nay đều bằng lòng với sự quan tâm của gia đình (70,4%). Các cụ chia sẻ mình không đòi hỏi rằng con cái dành toàn bộ thời gian rỗi cho bố mẹ, mà chỉ cần có một lời hỏi han là đã vui rồi. “Của

cho không bằng cách cho” – đó cũng là lời mà người cao tuổi nhắn nhủ. Vẫn còn một số ít các cụ (1,3%) không hài lòng với sự quan tâm của con cái: “*Ví dụ như con cái mà nó có hiếu này kia, mình về nó biết làm vui lòng người già. Người già thì hay hờn. Con nó hiếu được... Nhưng mà đôi khi con nó không biết ý, nó làm cái này cái kia mà nó làm chạnh lòng mình, lại còn này kia thì điều đó nó tạo khoảng cách cho ông bà già* (Nam, 78 tuổi).

Có thể nói, những biến đổi xã hội đã tác động ít nhiều lên mối quan hệ giữa ông bà, cha mẹ và các thành viên còn lại trong gia đình. Thực tế hiện nay các thế hệ khó tìm được tiếng nói chung trong gia đình, và để tránh va chạm người ta lại càng giảm bớt đối thoại với nhau hơn. Mặc dù trên địa bàn khảo sát, mối quan hệ giữa người cao tuổi và con cái vẫn còn tồn tại ở mức chấp nhận được, các cụ phần lớn đều trả lời “hài lòng” nhưng ta vẫn thấy có sự thay đổi khi so sánh phường nội thành và ngoại thành. Tỷ lệ các cụ ở nội thành tâm tình với con cái nhiều hơn phường ngoại thành.

Hàng xóm láng giềng cũng được xem như nguồn trò chuyện thường xuyên của người cao tuổi và phần lớn rơi vào các cụ ở phường ngoại thành. Hàng xóm là những người sống bên cạnh nhà nên rất thuận lợi cho việc thăm hỏi, trò chuyện hàng ngày. Những cuộc chuyện trò thường là những hỏi thăm sức khỏe, bàn về những vấn đề xảy ra trong khu phố,...

Bên cạnh đó, các Hội, Đoàn thể, Câu lạc bộ cũng là nơi để người cao tuổi chia sẻ, tâm sự những câu chuyện buồn vui trong cuộc sống. Gặp nhau hàng ngày với những sở thích giống nhau giúp người cao tuổi dễ hòa đồng và tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống lúc về già.

Vì việc gặp gỡ giữa người cao tuổi với bạn bè không thường xuyên do tuổi tác, sức khỏe, khoảng cách đi lại nên mức độ trò chuyện của người cao tuổi với bạn bè cũng ít hơn. Mặc dù vậy, những cuộc chuyện trò, gặp gỡ của bạn bè một mặt nó làm người cao tuổi thỏa mãn nhu cầu giao tiếp bạn bè, được tâm sự chia sẻ từ những người có cùng đặc điểm văn hóa xã hội về các vấn đề sức khỏe,

cuộc sống gia đình, tin tức về những người bạn cũ, cơ quan cũ,...: “ngày Nhà giáo Việt Nam, Cô xuống trường cũ gặp lại bạn bè ngày xưa cùng dạy với Cô” (Nữ, 68 tuổi).

Như vậy, hoạt động hỏi han, trò chuyện giữa người cao tuổi với các thành viên trong mạng lưới là hoạt động có ý nghĩa quan trọng về mặt tinh thần. Thông qua việc trò chuyện hàng ngày, mức độ gắn kết trong các mối quan hệ giữa các thành viên trong mạng lưới càng tăng lên. Đồng thời, những cuộc chuyện trò cũng trở thành một nguồn cung cấp và lưu chuyển thông tin quan trọng trong mạng lưới. Thông qua trò chuyện, người cao tuổi nhận được nhiều thông tin chính trị, xã hội, kinh tế,... mà trước đó họ chưa biết. Ngược lại, họ cũng chính là nguồn cung cấp thông tin cho người khác. Họ cũng nhận thấy và được nhìn nhận vai trò của mình trong cuộc sống.

3. Kết luận

Nhìn chung, với những biến đổi xã hội ở các đô thị hiện nay, mạng lưới xã hội của người cao tuổi ngày càng bị thu hẹp. Tuy nhiên, người cao tuổi cũng đã thiết lập cho mình một mạng lưới xã hội

để giúp họ giải quyết những khó khăn (cả về vật chất lẫn tinh thần) trong cuộc sống ở các mức độ nhất định khác nhau do đặc điểm cá nhân - xã hội khác nhau (tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp, mức sống, địa bàn cư trú). Trong đó, gia đình vẫn là nguồn hỗ trợ mạnh nhất cho người cao tuổi lúc về già. Vai trò của họ hàng, bạn bè đồng nghiệp, hàng xóm láng giềng, các tổ chức đoàn thể xã hội tuy không thể hiện rõ nét nhưng vẫn có đóng góp nhất định trong đời sống tinh thần của người cao tuổi. Nghiên cứu cũng cho thấy những biến đổi ở mạng lưới xã hội của người cao tuổi khi so sánh giữa hai địa bàn nội thành và ngoại thành. Mặc dù vậy, với hệ thống an sinh xã hội vẫn còn thiếu như hiện nay, mạng lưới xã hội truyền thống vẫn đóng một vai trò quan trọng trong hỗ trợ cuộc sống của người cao tuổi.

Tài liệu tham khảo

- Bùi, Thế Cường. 2005. *Trong miền an sinh xã hội – Nghiên cứu về tuổi già ở đồng bằng sông Hồng*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Đặng, Nguyên Anh. 1998. “Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2, 1998, tr. 16. Hà Nội: Viện Xã hội học.
- Lê, Ngọc Hùng. 2003. “Lịch sử và phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội: trường hợp tìm kiếm việc làm của sinh viên”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2, 2003, tr.67. Hà Nội: Viện Xã hội học.
- Nguyễn, Hoài Dung. 2006. “Mạng lưới xã hội của người cao tuổi ở thành phố Quy Nhơn hiện nay”. Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, Phương Lan. 2000. *Tiếp cận văn hóa người cao tuổi*. Hà Nội: NXB Văn hóa – Thông tin.
- Richard, T.Schefer. 2005. *Xã hội học*. Hà Nội: NXB Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. *Kết quả tổng điều tra dân số năm 2009*.
- United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, United Nations Population Fund, United Nations Department of Economic and Social Affairs. 2007. *Living arrangements among the elderly in Southeast Asia*, Bangkok.
- United Nations, Economic and Social Affairs. 2009. *World population ageing*. New York: United Nations publication.